

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và giá các gói thầu tư vấn thuộc dự án Đường giao thông từ Đường tỉnh 521E tại bản Púng xã Quang Chiêu đi bản Pù Quăn xã Pù Nhi, huyện Mường Lát (Chương trình 30a)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 429/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo NCKT; số 2490/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 phê duyệt BCNCKT dự án; số 2870/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường giao thông từ Đường tỉnh 521E tại bản Púng xã Quang Chiêu đi bản Pù Quăn xã Pù Nhi, huyện Mường Lát (chương trình 30a);*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình 3611/TTr-SGTVT ngày 25 tháng 8 năm 2020; kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 3610/SGTVT-TĐKHKT ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Mường Lát.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và giá các gói thầu thuộc dự án Đường giao thông từ Đường tỉnh 521E tại bản Púng xã Quang Chiêu đi bản Pù Quăn xã Pù Nhi, huyện Mường Lát (chương trình 30a) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ Đường tỉnh 521E tại bản Pùng xã Quang Chiêu đi bản Pù Quăn xã Pù Nhi, huyện Mường Lát (chương trình 30a).

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Mường Lát.

4. Phạm vi khảo sát, lập thiết kế: Tổng chiều dài tuyến khoảng 4,79km; điểm đầu Km0+00 nối tiếp với đường từ Đường tỉnh 521E đi vào mỏ đá (cách Đường tỉnh 521E tại Km6+800/ĐT.521E khoảng 1,5 km) thuộc địa phận bản Pùng xã Quang Chiêu; điểm cuối Km4+797 giao với đường Na Tao - Mường Chanh tại Km10+800 thuộc địa phận bản Pù Quăn, xã Pù Nhi.

5. Quy mô xây dựng

- Phần đường: Thiết kế đảm bảo quy mô đường giao thông nông thôn cấp B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ GTVT; vận tốc thiết kế  $V_{tk}=20\text{km/h}$ ; chiều rộng nền đường  $B_n=5,0\text{m}$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=3,5\text{m}$ ; chiều rộng lề đất  $B_{ld}=2\times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$ .

- Phần công trình thoát nước: Thiết kế bằng bê tông và BTCT, tải trọng thiết kế H30-XB80; tần suất thiết kế  $P=4\%$ .

6. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Quang Chiêu và xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

7. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

8. Nhiệm vụ và khối lượng khảo sát

a) Khảo sát địa hình

- Lưới đường chuyền hạng IV, đường chuyền cấp 2 sử dụng kết quả đã thực hiện trong bước dự án.

- Cập nhật lại bình đồ tuyến tỷ lệ 1/2000 đã thực hiện trong bước lập dự án; đo thủy chuẩn kỹ thuật tuyến.

- Đo vẽ trắc dọc với tỷ lệ dài 1/2000 và 1/200; đo vẽ trắc ngang tuyến tỷ lệ 1/200, phạm vi đo vẽ từ tim ra mỗi bên 15m, khoảng cách các cọc kết hợp cả bước dự án trung bình 12,5m/1 mặt cắt.

- Khảo sát nút giao: Đo vẽ bình đồ nút giao tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m; đo vẽ trắc dọc các nhánh giao tỷ lệ 1/2000 và 1/200; đo vẽ trắc ngang nhánh giao tỷ lệ 1/200 sử dụng kết quả đã thực hiện trong bước dự án.

b) Khảo sát địa chất.

Khoan bổ sung địa chất nền đường thông thường kết hợp vị trí công trung bình 01 lỗ/1km, chiều sâu lỗ 5m; lấy mẫu thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá.

c) Khảo sát thủy văn: Sử dụng số liệu đã thực hiện ở bước lập dự án đầu tư và điều tra, cập nhật bổ sung.

d) Công tác khác: Công tác điều tra, thu thập số liệu về kinh tế-xã hội, GPMB, mỏ vật liệu, bãi đổ thải sử dụng số liệu đã thực hiện ở bước lập dự án đầu tư và điều tra, cập nhật bổ sung.

#### 9. Nhiệm vụ lập thiết kế bản vẽ thi công

Lập thiết kế bản vẽ thi công theo phạm vi, quy mô xây dựng dự án đảm bảo phù hợp với thiết kế cơ sở và danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 và quy định khác của pháp luật về đầu tư.

10. Dự toán chi phí phê duyệt: **485.723.000 đồng** (*Bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí khảo sát : 267.738.000 đồng.
- Chi phí lập thiết kế, dự toán : 199.051.000 đồng.
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát : 8.032.000 đồng.
- Chi phí giám sát công tác khảo sát : 10.902.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn theo Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

12. Giá các gói thầu phê duyệt: **485.723.000 đồng** (*Bốn trăm, tám mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng*)

Trong đó:

Đơn vị: đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Theo Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Giá trị gói thầu sau thẩm định	Tăng, giảm
1	Gói thầu số 02: Lập nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	6.600.000	8.032.000	1.432.000
2	Gói thầu số 03: Giám sát công tác khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	8.958.000	10.902.000	1.944.000
3	Gói thầu số 05: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	419.051.000	466.789.000	47.738.000
<b>Giá các gói thầu</b>		<b>434.609.000</b>	<b>485.723.000</b>	<b>51.114.000</b>

**Điều 2.** UBND huyện Mường Lát tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 3610/SGTVT-TĐKHKT ngày 25/8/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và giá gói thầu số 02, 03 và 05 tại Quyết định này thay thế giá gói thầu trong Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Mường Lát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, VX.30a123

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Đăng Quyền**

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

**Công trình: Đường giao thông từ tỉnh lộ 521E tại bản Pùng xã Quang Chiêu đi bản Pù Quăn xã Pù Nhi, huyện Mường Lát (Chương trình 30a)**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Phương pháp xác định	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Chi phí khảo sát xây dựng</b>	<b>Gks</b>		<b>267.738.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>	<b>VL+NC+M</b>	<b>137.490.000</b>
1.1	Chi phí vật liệu	VL	Dự toán chi tiết	25.141.447
1.2	Chi phí nhân công	NC		106.638.323
1.3	Chi phí máy thi công	M		5.709.824
<b>2</b>	<b>Chi phí gián tiếp</b>	<b>GT</b>	<b>C+LT</b>	<b>85.646.000</b>
2.1	Chi phí chung	C	70% x 106.638.323	74.647.000
2.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế, chi phí gián tiếp khác	LT	8% x 137.490.000	10.999.200
<b>3</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<b>TL</b>	<b>6% x 223.136.000</b>	<b>13.388.000</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát</b>	<b>Cpvks</b>		<b>6.874.500</b>
4.1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	Cpa	2% x 137.490.000	2.749.800
4.2	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	Cbc	3% x 137.490.000	4.124.700
	<b>Giá trị dự toán khảo sát trước thuế</b>	<b>Gkstt</b>	<b>T+GT+TL+Cpvks</b>	<b>243.398.500</b>
<b>5</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng</b>	<b>GTGT</b>	<b>10% x 243.398.500</b>	<b>24.339.850</b>
	<b>Giá trị khảo sát sau thuế</b>	<b>Gksst</b>	<b>Gkstt + GTGT</b>	<b>267.738.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát</b>	<b>Gnv</b>	<b>3% x 267.738.000</b>	<b>8.032.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí giám sát công tác khảo sát</b>	<b>Ggs</b>	<b>4,072% x 267.738.000</b>	<b>10.902.000</b>
<b>V</b>	<b>Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán</b>	<b>Gtk</b>	<b>1,33%*Gxltt</b>	<b>199.051.000</b>
<b>TỔNG CỘNG CHI PHÍ</b>			<b>I+II+III+IV+V</b>	<b>485.723.000</b>